TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Thị Diền

2. Phan Thị Cẩm

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thúy K, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện V, tỉnh H (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn K, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp H, xã VBN, huyện V, tỉnh K (có đơn xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Đặng Văn Y, sinh năm 1980 và chị Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: ấp kinh 6, xã M, huyện U, tỉnh K (đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thúy K trình bày: Năm 2009 chị và anh K được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 02 người con chung là Đặng Thành Đ, sinh năm 2011 và Đặng Thành Tr, sinh năm 2013, hiện nay 02 cháu đang sống chung với anh K. Nhiều năm nay anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên anh chị không không thể

chung sống. Nay thấy tình cảm không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Chị K giao 02 con chung cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đặng Văn K trình bày: Anh K thống nhất lời trình bày của chị K về mối quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; vợ chồng không nợ ai. Nay chị K xin ly hôn anh K đồng ý; việc chị K giao 02 con chung cho anh K nuôi dưỡng thì anh cũng thống nhất nuôi con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Đặng Văn Y và chị Trần Thị Cẩm H trình bày: Vợ chồng anh Y và chị H có mối quan hệ là anh ruột, chị dâu của anh K và là bác ruột của cháu Tr. Vào năm 2014 vợ chồng anh K, chị K mâu thuẫn, sống ly thân nên vợ chồng anh Y, chị H có nuôi dưỡng chăm sóc cháu Tr một thời gian, đồng thời có đăng ký khai sinh là cha, mẹ ruột của cháu Tr. Nay anh Y, chị H xác định cháu Tr là con chung của vợ chồng anh K, chị K và hiện nay cháu Tr đang chung sống với cha ruột là anh K. Nay vợ chồng anh K, chị K ly hôn có thỏa thuận giao cháu Tr cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng thì vợ chồng anh Y, chị H đều đồng ý; vợ chồng anh Y, chị H không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị K yêu cầu ly hôn với anh K và đồng ý giao 02 con chung cho anh K nuôi. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Văn K cư trú tại ấp H, xã VBN, huyện V, tỉnh K nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Năm 2009, chị K và anh K cưới nhau theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".

Như vậy pháp luật không công nhận là quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thúy K và anh Đặng Văn K. Giữa anh, chị không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị K và anh K. Theo đó, giữa chị K và anh K không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị K và anh K có 02 người con chung tên Đặng Thành Đ, sinh ngày 26/03/2011, giới tính nam và cháu Đặng Thành Tr, sinh ngày 14/4/2013, hiện nay 02 cháu đang sống chung với anh K. Chị K xác định hiện nay chị đi làm thuê và có khi phải đi xuất khẩu lao động, điều kiện chăm sóc con chung không được đảm bảo nên chị đề nghị giao 02 con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K xác định anh có kinh doanh mua bán tôm giống tại gia đình, có mức thu nhập đủ khả năng nuôi các con nên anh đồng ý nuôi 02 con chung theo yêu cầu của chị K. Xét thấy, anh K có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung và đồng thời giữa anh K, chị K đều thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho anh K nuôi dưỡng và vợ chồng anh Y, chị H cũng thống nhất giao cháu Tr cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Đ và cháu Tr cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; chị K không phải cấp dưỡng nuôi con; chị K có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét và vợ chồng cũng không nợ ai.

[5] Án phí sơ thẩm: Chị K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57, của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thúy K và anh Đặng Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thành Đ, sinh ngày 26/3/2011 (giới tính nam) và cháu Đặng Thành Tr, sinh ngày 14/4/2013 (giới tính nam) cho anh Đặng Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị K không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị K có quyền thăm nom con chung theo quy định không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: chị Huỳnh Thúy K chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005420 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/01/2018).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Phượng